

QUYỀN SỞ HỮU VỐN TRONG NGÀNH TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU

TS. Nghiêm Văn Trọng

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: ngkiemvantrong.tecos@gmail.com

Ngày nhận: 09/11/2025

Ngày nhận bản sửa: 16/11/2025

Ngày duyệt đăng: 24/02/2026

DOI: 10.71192/520435shscqa

Tóm tắt

Bài viết này tổng quan và phân tích các nghiên cứu, báo cáo và dữ liệu thứ cấp về quyền sở hữu vốn trong các ngành tài nguyên trọng đối với quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Dựa trên cơ sở dữ liệu công khai của Ngân hàng Trung ương Pháp (Banque de France, 2023), cùng các nguồn từ IEA, IRENA, WTO và các báo cáo chính sách của EU, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích so sánh (synthesis and comparative analysis) để nhận diện xu hướng tập trung vốn và quyền kiểm soát trong chuỗi cung ứng nguyên liệu chuyển đổi năng lượng.

Kết quả tổng quan cho thấy quyền sở hữu vốn trong các ngành tài nguyên mang tính tập trung cao, thể hiện qua sự chi phối của một số ít quốc gia và tập đoàn, trong đó, Trung Quốc giữ vai trò chủ đạo thông qua các hình thức đầu tư nhà nước và mạng lưới doanh nghiệp xuyên quốc gia. Bài viết thảo luận những hệ quả của sự tập trung này đối với an ninh năng lượng, công bằng trong chuyển đổi xanh và cấu trúc quyền lực kinh tế toàn cầu. Từ đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tăng tính đa dạng, minh bạch và bền vững trong quản trị tài nguyên, đồng thời, gợi mở hướng tiếp cận cho Việt Nam trong xây dựng chiến lược nguyên liệu phục vụ chuyển đổi năng lượng công bằng.

Từ khóa: Quyền sở hữu vốn, nguyên liệu thô quan trọng, chuyển đổi năng lượng, an ninh nguồn cung, Trung Quốc.

Capital Ownership in Critical Raw Material Industries for the Global Energy Transition

Dr. Nghiem Van Trong

Hoa Binh University

Corresponding Author: ngkiemvantrong.tecos@gmail.com

Abstract

This paper provides a comprehensive literature-based analysis of capital ownership in critical raw material sectors essential for the global energy transition. Drawing on secondary data from Banque de France (2023), the IEA, IRENA, WTO, and relevant policy reports of the EU and the United States, the study adopts a synthesis and comparative analytical approach to examine the concentration of ownership and control across key energy transition resources.

The review finds that capital ownership in these sectors is highly concentrated, dominated by a few countries and multinational corporations, with China emerging as a leading actor through state-led investment networks. The study discusses the implications of this concentration for energy security, equity in the green transition, and shifts in global economic power structures. Policy implications include enhancing transparency, diversifying supply chains, and promoting sustainable resource governance, with recommendations for Vietnam in developing a just and secure energy transition strategy.

Keywords: Capital ownership, critical raw materials, energy transition, supply security, China.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển đổi mạnh mẽ sang các mô hình năng lượng xanh nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng bằng không (Net Zero), nhu cầu đối với các nguyên liệu thô quan trọng (critical raw materials) như coban, niken, đồng, lithium và đất hiếm tăng nhanh chưa từng có. Các nguyên liệu này là nền tảng

cho công nghệ pin, xe điện, tuabin gió và năng lượng mặt trời - những trụ cột của nền kinh tế carbon thấp. Tuy nhiên, sự phân bố và quyền kiểm soát các nguồn tài nguyên này lại không đồng đều về mặt địa lý, tạo nên những mối phụ thuộc chiến lược mới giữa các nền kinh tế.

Trong khi các quốc gia phát triển như Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ nỗ lực xây

dựng chuỗi cung ứng nội khối, quyền sở hữu vốn trong các ngành tài nguyên chuyển đổi năng lượng lại tập trung vào một số ít quốc gia và tập đoàn xuyên quốc gia, trong đó, Trung Quốc chiếm ưu thế vượt trội thông qua các chiến lược đầu tư nhà nước và kiểm soát chuỗi chế biến toàn cầu. Sự dịch chuyển này đang định hình lại bản đồ quyền lực kinh tế - năng lượng thế kỷ XXI.

Bài viết này nhằm tổng hợp, phân tích và hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu và dữ liệu thứ cấp liên quan đến cấu trúc sở hữu vốn trong các ngành tài nguyên phục vụ chuyển đổi năng lượng. Mục tiêu nhằm: (1) nhận diện đặc điểm và xu hướng tập trung quyền sở hữu vốn toàn cầu; (2) phân tích sự khác biệt giữa địa lý sản xuất và địa lý sở hữu; (3) đánh giá hệ quả của cấu trúc này đối với an ninh năng lượng và chuyển đổi xanh; và (4) đề xuất các định hướng chính sách phù hợp cho quản trị tài nguyên và chiến lược phát triển của Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là tổng quan tài liệu (literature review) kết hợp phân tích - so sánh (comparative synthesis), dựa trên các nguồn dữ liệu và báo cáo chính thức của Ngân hàng Trung ương Pháp (2023), IEA, IRENA, WTO cùng các văn bản chính sách năng lượng gần đây của EU và Mỹ.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết về vốn và quyền sở hữu trong bối cảnh toàn cầu hóa

Khái niệm “vốn” trong nghiên cứu này không chỉ giới hạn ở nghĩa hẹp là tư bản tài chính, mà còn bao hàm quyền sở hữu và quyền kiểm soát đối với các tài sản sản xuất chiến lược - đặc biệt là tài nguyên khoáng sản. Theo Piketty (2014), sự tích tụ và tập trung của vốn là đặc điểm cấu trúc của chủ nghĩa tư bản hiện đại, trong đó, quyền sở hữu vốn xuyên quốc gia trở thành công cụ mở rộng ảnh hưởng kinh tế và quyền lực chính trị. Tiếp cận này cho phép phân biệt giữa hai loại “vốn”:

- *Vốn sản xuất thực* - tức năng lực sản xuất vật chất gắn với vị trí địa lý của tài nguyên;

- *Vốn sở hữu* - tức quyền kiểm soát thông qua cổ phần, đầu tư hoặc cấu trúc doanh nghiệp xuyên biên giới.

Khi hai loại vốn này không trùng khớp, tức tài nguyên nằm ở một quốc gia nhưng quyền kiểm soát thuộc về nhà đầu tư nước ngoài, vấn đề chủ quyền tài nguyên và an ninh kinh tế trở nên phức tạp. Đây chính là hiện tượng nổi bật trong chuỗi giá trị năng lượng mới của thế kỷ XXI.

2.2. Tiếp cận phân tích sở hữu vốn trong ngành tài nguyên chuyển đổi năng lượng

Nghiên cứu của Banque de France (2023)

được xem là một trong những nỗ lực đầu tiên định lượng quyền sở hữu vốn toàn cầu trong các ngành khai thác tài nguyên phục vụ chuyển đổi năng lượng. Phương pháp luận của nghiên cứu này dựa trên việc:

- Thu thập dữ liệu về cổ đông lớn của các công ty khai thác nhiên liệu toàn cầu trong giai đoạn 2004 - 2022;

- Xác định tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư theo quốc gia;

- Kết hợp với tỷ lệ sản lượng toàn cầu mà công ty đó chiếm lĩnh trong từng loại tài nguyên;

- Từ đó, tính toán tỷ trọng “sản lượng do nhà đầu tư nước X kiểm soát” đối với từng kim loại (coban, niken, đồng, lithium, đất hiếm).

Kết quả là một bức tranh toàn cầu về ai thực sự nắm giữ quyền lực vốn trong chuỗi cung ứng tài nguyên năng lượng - điều mà trước đây ít được định lượng rõ ràng.

2.3. Cơ sở dữ liệu và phạm vi phân tích

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm:

- Dữ liệu Refinitiv và báo cáo doanh nghiệp về cơ cấu cổ đông của các công ty khai thác mỏ toàn cầu;

- Số liệu sản lượng khai thác từ Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và IRENA;

- Báo cáo thương mại nguyên liệu thô của WTO giai đoạn 2000 - 2022;

- Chính sách quản lý tài nguyên và an ninh năng lượng của EU (Đạo luật Nguyên liệu thô quan trọng, 2024) và Mỹ (Đạo luật Giám lạm phát, 2022).

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào năm nhóm nguyên liệu thô quan trọng nhất cho chuyển đổi năng lượng: *coban, niken, đồng, lithium và đất hiếm*, chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất pin, động cơ điện, và thiết bị năng lượng tái tạo.

3. Phân tích thực trạng sở hữu vốn trong ngành tài nguyên chuyển đổi năng lượng

3.1. Cấu trúc địa lý của sản xuất nguyên liệu thô

Quá trình chuyển đổi sang năng lượng xanh đòi hỏi khối lượng lớn các nguyên liệu thô quan trọng, tuy nhiên, sản xuất các nguyên liệu này lại có mức độ tập trung cao về mặt địa lý. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA, 2023), hơn 70% sản lượng đất hiếm toàn cầu đến từ Trung Quốc, 68% coban từ Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC) và gần 50% niken từ Indonesia. Việc sản xuất lithium cũng tập trung chủ yếu ở Úc, Chile và Argentina.

Sự tập trung này tạo ra hai hệ quả đáng chú ý. *Thứ nhất*, rủi ro phụ thuộc nguồn cung tăng cao, đặc biệt đối với các nước nhập khẩu như EU, Nhật Bản và Mỹ. *Thứ hai*, các cú sốc địa chính trị hoặc chính sách trong

nước ở các nước sản xuất có thể tác động trực tiếp đến toàn bộ chuỗi cung ứng năng lượng xanh toàn cầu.

Theo WTO (2024), thương mại vật liệu chuyên đổi năng lượng đã tăng từ 53 tỷ USD năm 2002 lên 378 tỷ USD năm 2022. Để đạt mục tiêu Thỏa thuận Paris, nhu cầu toàn cầu đối với các nguyên liệu này sẽ tăng gấp bốn lần vào năm 2040, trong đó, riêng lithium và niken được dự báo là hai kim loại có tốc độ tăng nhanh nhất. Điều này khiến cạnh tranh khai thác và sở hữu vốn trong ngành trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

3.2. Cấu trúc quyền sở hữu vốn xuyên biên giới

Một đặc điểm nổi bật của các ngành khai khoáng phục vụ chuyên đổi năng lượng là sự tách biệt giữa “địa lý sản xuất” và “địa lý sở hữu vốn”. Nói cách khác, quốc gia có tài nguyên và quốc gia kiểm soát vốn không nhất thiết là một.

Nghiên cứu của Banque de France (2023) cho thấy các nhà đầu tư Trung Quốc sở hữu cổ phần đáng kể trong toàn bộ năm nhóm nguyên liệu thô quan trọng: coban, niken, đồng, lithium và đất hiếm. Cụ thể, Trung Quốc kiểm soát 28% sản lượng coban toàn cầu, dù chỉ sản xuất hơn 1% trên lãnh thổ của mình. Sự thống trị này đạt được thông qua các khoản đầu tư chiến lược vào ngành khai khoáng ở châu Phi, đặc biệt là Cộng hòa Dân chủ Congo (Democratic Republic of the Congo), nơi chiếm khoảng 80% sản lượng coban thế giới.

Trong khi đó, Kazakhstan là quốc gia nắm quyền sở hữu vốn lớn thứ hai trong thị trường coban, thông qua Tập đoàn Tài nguyên Á-Âu (ERG), do Bộ Tài chính Kazakhstan sở hữu 40% và các nhà đầu tư cá nhân trong nước nắm phần còn lại. Ở lĩnh vực đồng và lithium, Mỹ Latinh chiếm tỷ lệ sở hữu vốn đáng kể (lần lượt 22% và 20%), phản ánh mức độ tập trung tài nguyên tự nhiên trong khu vực này. Tuy nhiên, khi so sánh với tỷ lệ sản lượng thực tế (chiếm 40% sản lượng đồng và 1/3 sản lượng lithium toàn cầu), có thể thấy các nhà đầu tư bản địa chỉ nắm giữ tỷ lệ sở hữu hạn chế, trong khi các tập đoàn từ Mỹ và Trung Quốc lại chiếm vị thế chi phối.

Ở chiều ngược lại, Liên minh châu Âu - khu vực có năng lực công nghệ cao - lại chỉ chiếm dưới 10% quyền sở hữu vốn trong ngành khai khoáng toàn cầu, và chỉ 2% đối với lithium và đất hiếm. Tỷ lệ 18% thị phần niken của EU thực chất bị “phóng đại” bởi các công ty đăng ký tại châu Âu nhưng đại diện lợi ích của nhà đầu tư Nga, như Interros Ltd (Síp) - cổ đông lớn của Norilsk Nickel, nhà sản xuất niken lớn nhất thế giới.

Như vậy, Trung Quốc và Mỹ đang nổi lên là hai quốc gia có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong cấu trúc sở hữu vốn toàn cầu, trong khi EU, Mỹ Latinh và các nước sản xuất tài nguyên vẫn ở vị thế phụ thuộc về tài chính và công nghệ.

3.3. Cấu trúc quyền kiểm soát và ảnh hưởng ra quyết định

Không chỉ dừng lại ở tỷ lệ cổ phần, quyền kiểm soát thực sự được thể hiện thông qua mức độ nắm giữ cổ phần chi phối (>50%), cho phép cổ đông có quyền quyết định trong hội đồng quản trị.

Theo Banque de France (2023), trên thị trường coban, toàn bộ 28% sản lượng toàn cầu do Trung Quốc kiểm soát đều đến từ các công ty mà nhà đầu tư Trung Quốc nắm giữ cổ phần đa số. Trong khi đó, nhà đầu tư Mỹ dù sở hữu khoảng 15% vốn trong các công ty khai thác coban nhưng chủ yếu ở mức cổ phần thiểu số, hạn chế khả năng tham gia vào các quyết định chiến lược.

Trên thị trường đồng, tỷ lệ sản lượng toàn cầu do các công ty có cổ đông chính là Trung Quốc và Mỹ lần lượt là 15%. Với lithium, các công ty có cổ đông lớn đến từ Mỹ, Chile và Trung Quốc chiếm tương ứng 35%, 23% và 20% sản lượng toàn cầu. Đối với đất hiếm, 74% sản lượng thế giới đến từ các công ty mà nhà đầu tư Trung Quốc nắm cổ phần đa số, cho thấy sự thống trị tuyệt đối của Trung Quốc trong phân khúc này.

Đáng chú ý, hình thức sở hữu vốn nhà nước chiếm vai trò then chốt trong chiến lược đầu tư tài nguyên của Trung Quốc. Khoảng 75% tổng đầu tư của Trung Quốc vào năm nhóm nguyên liệu thô nói trên đến từ các doanh nghiệp nhà nước hoặc các quỹ đầu tư có mục tiêu chiến lược. Trong khi đó, tỷ lệ này ở châu Âu và Mỹ Latinh lần lượt là 75% và 59%, tại Úc là 46%, còn tại Mỹ chỉ là 1%. Điều này phản ánh sự khác biệt căn bản trong động cơ đầu tư: các nhà đầu tư nhà nước thường theo đuổi cả lợi ích địa chính trị và chiến lược dài hạn, trong khi khu vực tư nhân chủ yếu quan tâm đến lợi nhuận ngắn hạn.

3.4. Chính sách an ninh nguồn cung và rủi ro địa chính trị

Mức độ tập trung của hoạt động khai thác và quyền sở hữu vốn trong tay một số ít quốc gia và tập đoàn đã khiến an ninh chuỗi cung ứng tài nguyên trở thành vấn đề địa chiến lược cấp bách.

Liên minh châu Âu đã ban hành Đạo luật Nguyên liệu thô Quan trọng (Critical Raw Materials Act, 2024) nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận an toàn và bền vững nguồn cung, thông qua đa dạng hóa nguồn nhập khẩu, tăng tỷ lệ tái

chế và khuyến khích đầu tư nội khối (European Parliament, 2024). Ở Mỹ, Đạo luật Giảm lạm phát (Inflation Reduction Act, 2022) cũng đưa ra các gói ưu đãi lớn để phát triển khai thác và chế biến nguyên liệu trong nước.

Theo IRENA (2023), sáu nhóm rủi ro địa chính trị chính trong chuỗi cung ứng tài nguyên bao gồm: (1) các cú sốc bên ngoài như chiến tranh, thiên tai; (2) chủ nghĩa dân tộc tài nguyên (national resource nationalism); (3) hạn chế xuất khẩu; (4) hình thành các cartel kiểm soát giá; (5) bất ổn chính trị - xã hội tại các nước sản xuất; và (6) thao túng thị trường.

Báo cáo *The Geopolitics of the Energy Transition* của IRENA (2023) cảnh báo rằng trong ngắn và trung hạn, thiếu hụt nguồn cung các vật liệu chuyển đổi năng lượng có thể xảy ra, đặc biệt khi nhu cầu tăng nhanh hơn năng lực mở rộng khai thác. Dù tác động trực tiếp tới an ninh năng lượng truyền thống còn hạn chế, nhưng sự gián đoạn nguồn cung có thể làm chậm đáng kể quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu, gia tăng rủi ro phụ thuộc và làm sâu sắc hơn các mâu thuẫn thương mại giữa các khối kinh tế lớn.

Phân tích cho thấy Trung Quốc chiếm vị trí thống trị tuyệt đối trong quyền sở hữu vốn của các ngành tài nguyên phục vụ chuyển đổi năng lượng, không chỉ nhờ ưu thế địa lý, mà còn thông qua chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung của khu vực nhà nước. Ngược lại, các nền kinh tế phát triển dù dẫn đầu về công nghệ xanh nhưng lại phụ thuộc ngày càng lớn vào quyền kiểm soát tài nguyên của bên ngoài, làm gia tăng tính dễ tổn thương chiến lược.

4. Thảo luận

4.1. Sự dịch chuyển quyền lực trong chuỗi giá trị năng lượng toàn cầu

Một trong những phát hiện quan trọng của nghiên cứu là sự tái cấu trúc quyền lực toàn cầu trong chuỗi giá trị năng lượng. Nếu thế kỷ XX được định hình bởi các “đế chế dầu mỏ” tập trung ở Trung Đông và chịu ảnh hưởng của phương Tây, thì thế kỷ XXI đang chứng kiến sự nổi lên của các trung tâm quyền lực mới dựa trên quyền kiểm soát các kim loại chuyển đổi năng lượng.

Trung Quốc, nhờ chiến lược đầu tư bài bản vào khai khoáng quốc tế và chính sách “đi ra toàn cầu” (Going Global), đã xây dựng mạng lưới kiểm soát xuyên lục địa trải dài từ châu Phi đến Mỹ Latinh và Đông Nam Á. Thông qua các doanh nghiệp nhà nước và quỹ đầu tư chiến lược, Trung Quốc không chỉ kiểm soát sản lượng, mà còn nắm quyền chi phối các mắt xích chế biến và tinh luyện, vốn mang giá trị gia tăng cao.

Trái lại, các nền kinh tế phát triển - dù có ưu thế về công nghệ, tiêu chuẩn môi trường và khả năng đổi mới - lại phụ thuộc ngày càng sâu vào nguồn cung tài nguyên chiến lược từ bên ngoài. Điều này tạo ra một nghịch lý: các quốc gia đi đầu về năng lượng sạch lại chịu rủi ro lớn nhất trong chuỗi cung ứng nguyên liệu cho chính quá trình chuyển đổi của họ.

Sự dịch chuyển này có thể được xem như “phiên bản mới” của quyền lực tài nguyên, trong đó, quyền lực không chỉ nằm ở trữ lượng hay sản lượng khai thác, mà còn ở cấu trúc sở hữu vốn và kiểm soát công ty. Nó làm thay đổi cán cân ảnh hưởng giữa các trung tâm công nghiệp lớn, đặt ra thách thức cho các chính sách an ninh năng lượng truyền thống vốn tập trung vào dầu khí.

4.2. Tính hai mặt của đầu tư nhà nước trong khai thác tài nguyên

Cấu trúc đầu tư, mà trong đó, nhà nước đóng vai trò chủ đạo - điển hình là mô hình Trung Quốc - có những hệ quả trái chiều. Một mặt, sự tham gia của khu vực công giúp ổn định nguồn cung dài hạn cho nền kinh tế trong nước, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như năng lượng và công nghệ cao. Mặt khác, nó cũng có thể dẫn đến cạnh tranh địa chính trị và sự méo mó thị trường khi các khoản đầu tư này được định hướng bởi mục tiêu chiến lược thay vì hiệu quả kinh tế thuần túy.

Từ góc độ lý thuyết kinh tế chính trị, đây là biểu hiện của “chủ nghĩa tư bản nhà nước xuyên quốc gia” (transnational state capitalism) - nơi nhà nước sử dụng doanh nghiệp quốc gia như công cụ mở rộng ảnh hưởng và đảm bảo quyền tiếp cận tài nguyên (Kaczmarek, 2022). Mô hình này tạo ra lợi thế chiến lược cho các nền kinh tế mới nổi nhưng cũng làm gia tăng nghi ngại về “vũ khí hóa tài nguyên” (resource weaponization) trong các quan hệ quốc tế.

Ngược lại, các nền kinh tế theo mô hình thị trường tự do như Mỹ lại gặp khó khăn trong việc duy trì đầu tư dài hạn vào khai khoáng, do khu vực tư nhân thường bị chi phối bởi rủi ro thương mại và chi phí môi trường cao. Sự chênh lệch về mô hình sở hữu và động cơ đầu tư này khiến chuỗi cung ứng tài nguyên xanh trở nên phi đối xứng, đặt phương Tây vào thế bất lợi trong cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc.

4.3. Những thách thức đối với tính công bằng và bền vững của quá trình chuyển đổi năng lượng

Quyền sở hữu vốn tập trung không chỉ mang ý nghĩa kinh tế, mà còn đặt ra vấn đề công bằng toàn cầu trong chuyển đổi năng lượng. Các quốc gia đang phát triển - nơi tập trung phần lớn tài nguyên - thường không được

hưởng lợi tương xứng với giá trị tài nguyên của mình. Họ phụ thuộc vào các công ty xuyên quốc gia về công nghệ khai thác, vốn đầu tư và năng lực quản lý, dẫn đến hiện tượng “xuất khẩu tài nguyên, nhập khẩu ô nhiễm”.

Tình trạng này có thể dẫn đến chu kỳ phụ thuộc mới (new dependency cycle), tương tự như trong thời kỳ thuộc địa tài nguyên thế kỷ XX, nhưng với hình thức phức tạp hơn. Lợi nhuận chủ yếu chảy về các trung tâm tài chính ở Bắc bán cầu, trong khi các nước sản xuất phải đối mặt với chi phí môi trường, rủi ro xã hội và bất ổn chính trị.

Ngoài ra, sự thống trị của một số ít quốc gia trong chuỗi cung ứng còn có thể làm chậm tốc độ đổi mới công nghệ và quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, khi quyền tiếp cận nguyên liệu trở thành công cụ đàm phán và mặc cả chính trị. Theo IRENA (2023), nếu thiếu cơ chế hợp tác quốc tế và chia sẻ lợi ích minh bạch, quá trình chuyển đổi năng lượng có nguy cơ tái tạo các bất bình đẳng cũ trong một hình thức mới - “*chủ nghĩa thực dân xanh*” (green colonialism).

4.4. Hàm ý đối với an ninh năng lượng và quản trị toàn cầu

Phát hiện về cấu trúc sở hữu vốn tập trung mang lại những hàm ý sâu sắc cho an ninh năng lượng và quản trị toàn cầu.

Trước hết, khái niệm an ninh năng lượng cần được mở rộng vượt ra ngoài dầu mỏ và khí đốt, bao hàm cả an ninh nguyên liệu thô cho công nghệ xanh. Điều này đòi hỏi các thể chế quốc tế như WTO, OECD hay IRENA phải xây dựng bộ khung giám sát và phối hợp chính sách mới, đảm bảo tính minh bạch trong đầu tư và phân phối lợi ích giữa các quốc gia.

Thứ hai, các nền kinh tế phụ thuộc vào nhập khẩu tài nguyên - điển hình là EU, Nhật Bản, Hàn Quốc - cần phát triển chiến lược “đa dạng hóa cấu trúc sở hữu vốn”, khuyến khích hình thành các liên minh khai khoáng và chế biến mang tính hợp tác thay vì đối kháng. Đạo luật Nguyên liệu thô Quan trọng của EU (2024) là một bước đi đúng hướng, song, vẫn cần cơ chế thực thi gắn kết hơn với các nước sản xuất ở Nam bán cầu.

Cuối cùng, nghiên cứu đặt ra yêu cầu về một mô hình quản trị toàn cầu mới cho tài nguyên năng lượng, trong đó, kết hợp hài hòa ba yếu tố: an ninh - công bằng - bền vững. Việc thiếu vắng các thể chế quản trị hiệu quả có thể khiến quá trình chuyển đổi năng lượng trở thành một “cuộc chơi quyền lực” hơn là một nỗ lực toàn cầu vì khí hậu.

Sự tập trung quyền sở hữu vốn trong tay một số quốc gia và tập đoàn lớn đang tái định

hình cán cân quyền lực toàn cầu, đồng thời, đặt ra những câu hỏi mới về công bằng, an ninh và tính bền vững của chuyển đổi năng lượng. Những kết quả phân tích này là cơ sở để đề xuất các định hướng chính sách trong phần kết luận.

5. Kết luận và khuyến nghị chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này đã phân tích cấu trúc sở hữu vốn trong các ngành tài nguyên đóng vai trò thiết yếu cho quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Trên cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Trung ương Pháp (Banque de France, 2023) và các nguồn quốc tế như IEA, WTO, IRENA, có thể rút ra một số kết luận chính như sau:

Thứ nhất, cấu trúc sản xuất và sở hữu vốn trong chuỗi cung ứng nguyên liệu thô toàn cầu có mức độ tập trung rất cao, cả về mặt địa lý lẫn quyền kiểm soát doanh nghiệp. Một số ít quốc gia - đặc biệt là Trung Quốc, Indonesia, Cộng hòa Dân chủ Congo và Chile - chi phối phần lớn nguồn cung các kim loại quan trọng như coban, niken, lithium, đồng và đất hiếm.

Thứ hai, tồn tại khoảng cách rõ rệt giữa “địa lý sản xuất” và “địa lý sở hữu vốn”. Nhiều quốc gia sở hữu trữ lượng và sản lượng tài nguyên lớn nhưng không nắm giữ quyền kiểm soát tương ứng, trong khi các nhà đầu tư xuyên quốc gia - đặc biệt từ Trung Quốc và Mỹ - lại chiếm ưu thế trong cấu trúc sở hữu. Sự bất đối xứng này dẫn đến mức độ phụ thuộc chiến lược cao của các nền kinh tế phát triển vào các nhà cung cấp tài nguyên bên ngoài.

Thứ ba, đầu tư nhà nước đóng vai trò quyết định trong chiến lược kiểm soát tài nguyên, đặc biệt tại các nền kinh tế mới nổi. Khoảng 75% vốn đầu tư của Trung Quốc trong lĩnh vực khai khoáng quan trọng được thực hiện thông qua các doanh nghiệp nhà nước hoặc quỹ đầu tư chiến lược, cho phép quốc gia này duy trì ảnh hưởng lâu dài và ổn định nguồn cung cho ngành công nghiệp trong nước.

Thứ tư, rủi ro địa chính trị gia tăng do sự tập trung nguồn cung và quyền kiểm soát tài nguyên trong tay một số ít quốc gia và tập đoàn. Các hiện tượng như chủ nghĩa dân tộc tài nguyên, hạn chế xuất khẩu hoặc hình thành các “cartel kim loại” có thể gây biến động thị trường, làm chậm tiến trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu và tạo ra cạnh tranh địa chiến lược mới giữa các khối kinh tế lớn.

Tổng thể, quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu không chỉ là sự thay đổi công nghệ mà còn là sự tái định hình quyền lực kinh tế và cấu trúc vốn quốc tế. Ai kiểm soát tài nguyên, người đó nắm quyền định hình tương lai năng lượng thế giới.

5.2. Hàm ý chính sách đối với quản trị toàn cầu

Từ những kết quả phân tích trên, có thể đề xuất một số định hướng chính sách ở cấp độ toàn cầu như sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế về quản trị tài nguyên chuyển đổi năng lượng. Các tổ chức như WTO, OECD và IRENA cần đóng vai trò điều phối, thiết lập chuẩn mực minh bạch về sở hữu vốn, chống độc quyền và thúc đẩy chia sẻ lợi ích công bằng giữa các quốc gia sản xuất và tiêu thụ tài nguyên.

Thứ hai, thúc đẩy đa dạng hóa chuỗi cung ứng và cấu trúc sở hữu vốn. Các nền kinh tế phát triển như EU, Nhật Bản và Mỹ cần triển khai chiến lược hợp tác đầu tư dài hạn với các nước Nam bán cầu, thay vì chỉ tìm cách giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Mô hình liên minh khai khoáng và chế biến mang tính đối tác (partnership-based mining alliances) có thể là một hướng đi hiệu quả.

Thứ ba, tăng cường phát triển công nghệ tái chế và kinh tế tuần hoàn. Việc mở rộng quy mô tái chế pin, kim loại và linh kiện năng lượng tái tạo không chỉ giúp giảm áp lực khai thác mà còn góp phần giảm phụ thuộc nguồn cung. Đây là hướng chiến lược cho các nước công nghiệp phát triển.

Thứ tư, thiết lập bộ quy tắc quốc tế về đầu tư có trách nhiệm trong khai khoáng. Các chuẩn mực như ESG (Environmental - Social - Governance) cần được áp dụng bắt buộc đối với các doanh nghiệp khai khoáng xuyên quốc gia, nhằm giảm thiểu xung đột xã hội và ô nhiễm môi trường tại các nước sản xuất.

5.3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Đối với Việt Nam, việc nắm bắt xu thế này có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh đất

nước đang thúc đẩy chuyển đổi năng lượng công bằng (Just Energy Transition - JETP)¹ và phát triển kinh tế xanh.

(i) Xây dựng chiến lược quốc gia về nguyên liệu thô cho chuyển đổi năng lượng. Việt Nam cần xác định rõ danh mục các nguyên liệu chiến lược (như đất hiếm, niken, đồng, graphit), đánh giá trữ lượng và quy hoạch khai thác - chế biến theo hướng bền vững, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu.

(ii) Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc. Thay vì chỉ tập trung vào khai thác, cần khuyến khích các dự án đầu tư gắn với chuyển giao công nghệ tinh luyện và tái chế, để nâng cao giá trị gia tăng nội địa và tránh bẫy “xuất khẩu tài nguyên thô”.

(iii) Tăng cường năng lực quản trị vốn và minh bạch cổ phần trong doanh nghiệp khai khoáng. Cần có cơ chế giám sát sở hữu nước ngoài trong các lĩnh vực tài nguyên chiến lược, tránh tình trạng chuyển nhượng cổ phần dẫn đến mất kiểm soát nguồn tài nguyên.

(iv) Tham gia các sáng kiến hợp tác quốc tế. Việt Nam có thể tận dụng các khuôn khổ hợp tác trong ASEAN hoặc các đối tác như EU, Nhật Bản để phát triển chuỗi cung ứng bền vững, đồng thời, đảm bảo lợi ích công bằng trong tiếp cận vốn và công nghệ.

Quyền sở hữu vốn trong ngành tài nguyên quan trọng đang trở thành “vốn của thế kỷ XXI” - yếu tố then chốt định hình trật tự năng lượng và kinh tế toàn cầu. Việc hiểu rõ ai kiểm soát các nguồn lực này giúp nhận diện các điểm yếu chiến lược, đồng thời, mở ra cơ hội cho những quốc gia biết tận dụng thời cơ, phát triển chuỗi giá trị mới và nâng cao vị thế trong nền kinh tế xanh.

Tài liệu tham khảo

- Banque de France. (2023). *Capital in the 21st century: Who owns the resources of the energy transition?* Paris: Banque de France Working Paper Series.
- European Parliament. (2024). *Critical Raw Materials Act*. Brussels: EU Publications.
- International Energy Agency (IEA). (2023). *The Role of Critical Minerals in Clean Energy Transitions*. Paris: IEA Publications.
- International Renewable Energy Agency (IRENA). (2023). *The Geopolitics of the Energy Transition*. Abu Dhabi: IRENA.
- Kaczmarek, S. (2022). Transnational state capitalism and resource power in the 21st century. *Journal of Political Economy*, 130(6), 1281–1304.
- Piketty, T. (2014). *Capital in the Twenty-First Century*. Harvard University Press.
- World Trade Organization (WTO). (2024). *Trade and Critical Minerals Report 2024*. Geneva: WTO Secretariat

¹ Chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) là quá trình chuyển đổi hệ thống năng lượng từ phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) sang nguồn năng lượng sạch, tái tạo (gió, mặt trời, hydro, sinh khối...), đồng thời, đảm bảo công bằng xã hội và phát triển bền vững.